

Bản án số: 257/2018/DS-PT
Ngày: 06/3/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Giảng
Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 696/2017/DSPT ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 307/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 830/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1-7 Tòa nhà T, 72 Phố D, Phường D, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: 165 -167-169 đường N, phường E, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D

Địa chỉ: 14 đường E, khu phố F, phường R, thị xã R, tỉnh Bình Dương.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 648/2017UQ-GĐK-TDTD ngày 18/4/2017).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh G, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 7A đường A1, khu phố C1, phường V1, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt Ngân hàng) là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Ngày 04/12/2013, bà Phạm Thị Quỳnh G có ký Hợp đồng tín dụng số 20131211-500000-0165 với Ngân hàng vay số tiền 26.250.000 đồng (trong đó khoản vay tiêu dùng 25.000.000 đồng, phí bảo hiểm 1.250.000 đồng) với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Quỳnh G có trách nhiệm thanh toán số tiền 48.247.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng (từ ngày 17/01/2014 đến 17/12/2016), 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.341.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.312.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà Quỳnh G đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 17 lần với tổng số tiền đã trả là 22.815.000 đồng. Kể từ ngày 25/8/2015, bà Quỳnh G không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nhiều lần. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bà Phạm Thị Quỳnh G thanh lý hợp đồng, trả cho Ngân hàng một lần số tiền còn nợ tới hạn là 25.432.000 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; trong đó tổng dư nợ gốc còn lại là 17.978.106 đồng, nợ lãi là 7.453.894 đồng.

Bị đơn là bà Phạm Thị Quỳnh G dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 307/2017/DSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận U đã tuyên xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Quỳnh G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 14.066.250 đồng (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V buộc bà Phạm Thị Quỳnh G thanh toán số tiền 11.356.750 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/10/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo – đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày: Ngân hàng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – bà Phạm Thị Quỳnh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt; Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số 20131211-500000-0165 ngày 04 tháng 12 năm 2013 ký kết giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị Quỳnh G thì bà G có thỏa thuận với Ngân hàng về việc vay số tiền 26.250.000 đồng (trong đó khoản vay tiêu dùng 25.000.000 đồng, phí bảo hiểm 1.250.000 đồng) với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân, bà G đã nhận tiền vay và thực hiện trả nợ được 17 lần với tổng số tiền đã trả là 22.815.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 25.432.000 đồng. Cấp sơ thẩm cho rằng Ngân hàng không cung cấp được tài liệu chứng minh lãi thỏa thuận này đã được niêm yết và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 và điều chỉnh lại lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là chưa thỏa đáng bởi lẽ:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng

nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.”

Xét việc vay nợ và thỏa thuận lãi suất giữa bà G và Ngân hàng là tự nguyện, bà G đã nhận và sử dụng tiền vay, thực hiện trả nợ theo hợp đồng đã ký kết; hiện bà G còn nợ ngân hàng số tiền gốc và lãi là 25.432.000 đồng; do đó, bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bởi các lẽ trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng. Do sửa bản án sơ thẩm nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc Phạm Thị Quỳnh G có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 25.432.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Quỳnh G chưa trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà G còn phải chịu thêm số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị Quỳnh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.271.600 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 635.800 đồng (sáu trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002710 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003511 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận U;
- TAND Quận U;
- Các đương sự;
- Lưu: (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương